

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO
NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CHO
TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ
ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

(Đính kèm Tờ trình số/TTr-SKHCHN ngày tháng.... năm 2026 của Sở
Khoa học và Công nghệ)

- Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế: không.
- Đối với văn bản ban hành mới

DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	THUYẾT MINH
Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030. 2. Đối tượng áp dụng a) Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, ấp, khu phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai được thành lập, kiện toàn theo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã và hoạt động theo kế hoạch hằng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành. b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố.	1. Nội dung cơ bản: Xác định rõ phạm vi điều chỉnh là chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030 và xác định rõ đối tượng áp dụng tại các thôn, ấp, khu phố trên địa bàn thành phố Đồng Nai. 2. Lý do và sự cần thiết: Cụ thể hóa chủ trương chuyển đổi số dựa trên các quy định của Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để hỗ trợ lực lượng nòng cốt tại cơ sở theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp (cấp thành phố và cấp xã) tại Đồng Nai.
Điều 2. Giải thích từ ngữ Trong Nghị quyết này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. Tổ công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt tại cơ sở, được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập, kiện toàn hoặc công nhận theo quy định, kế hoạch, hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai.	1. Nội dung cơ bản: Giải thích rõ khái niệm "Tổ công nghệ số cộng đồng" và "Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng". 2. Lý do và sự cần thiết: Chuẩn hóa thuật ngữ chuyên ngành trong công tác chuyển đổi số ở cấp cơ sở, giúp các cơ quan quản lý và địa phương áp dụng thống nhất, tránh chồng chéo nhiệm vụ.

2. Hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng là việc thực hiện các nhiệm vụ tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, hộ gia đình, doanh nghiệp tiếp cận và tham gia chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích số tại cộng đồng.	
Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ 1. Việc hỗ trợ hoạt động cho Tổ công nghệ số cộng đồng phải bảo đảm đúng đối tượng, đúng nhiệm vụ, đúng mục đích, phục vụ trực tiếp công tác chuyển đổi số tại cơ sở. 2. Việc hỗ trợ được thực hiện trên cơ sở công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm sử dụng đúng mục đích nguồn ngân sách nhà nước và không trùng lặp với các khoản chi hỗ trợ khác. 3. Việc hỗ trợ phải gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao hằng năm theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân cấp xã; đồng thời khuyến khích huy động, lồng ghép các nguồn lực xã hội hóa hợp pháp khác.	1. Nội dung cơ bản: Thiết lập khung nguyên tắc quản lý tài chính và hỗ trợ theo hướng gắn kết chặt chẽ giữa kinh phí hỗ trợ với kết quả thực hiện nhiệm vụ. 2. Lý do và sự cần thiết: Bảo đảm an toàn, tiết kiệm và hiệu quả cho ngân sách nhà nước, ngăn chặn việc trùng lặp chính sách hỗ trợ, đồng thời nâng cao trách nhiệm của lực lượng Tổ công nghệ số cộng đồng tại cơ sở.
Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CHO TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG Điều 4. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí 1. Mức hỗ trợ: Hỗ trợ khoán kinh phí hoạt động cho 01 Tổ công nghệ số cộng đồng là 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng trên một tháng). 2. Nội dung chi: Kinh phí khoán chi hằng tháng cho Tổ công nghệ số cộng đồng được sử dụng để phục vụ các hoạt động triển khai nhiệm vụ chung của Tổ; tham gia đào tạo, tập huấn, sinh hoạt chuyên môn, cập nhật kiến thức, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyển đổi số; thực hiện công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân, hộ gia đình, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và các nhiệm vụ chuyển đổi số định kỳ, đột xuất do cơ quan có thẩm quyền giao.	1. Nội dung cơ bản: Quy định mức hỗ trợ khoán kinh phí hoạt động cụ thể (2.000.000 đồng/tháng/tổ) và các nội dung chi phục vụ sinh hoạt, tập huấn, tuyên truyền. 2. Lý do và sự cần thiết: Tạo nguồn kinh phí thiết thực để duy trì hoạt động thường xuyên của Tổ công nghệ số cộng đồng, tháo gỡ khó khăn về tài chính tại cơ sở trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện giai đoạn 2026 - 2030.
Điều 5. Hỗ trợ trang thiết bị, đào tạo và nâng cao năng lực 1. Hỗ trợ trang thiết bị: Căn cứ điều kiện thực tế, yêu cầu nhiệm vụ và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã được sử dụng nguồn ngân sách cấp xã hoặc được huy động, vận động, tiếp nhận các nguồn lực xã hội hóa hợp pháp để hỗ trợ trang thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị trình chiếu, thiết bị phục vụ tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số và	1. Nội dung cơ bản: Quy định cơ chế huy động trang thiết bị và tổ chức đào tạo, tập huấn kỹ năng số định kỳ ít nhất 02 lần/năm cho thành viên tổ. 2. Lý do và sự cần thiết: Nâng cao năng lực chuyên môn và trang bị hạ tầng tối thiểu cho lực lượng làm công tác chuyển đổi số tại cơ sở, đảm bảo đáp

các trang thiết bị cần thiết khác phục vụ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng. 2. Đào tạo, nâng cao năng lực: Thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số, an toàn thông tin, khai thác dịch vụ công trực tuyến và các nội dung chuyển đổi số thiết yếu do Sở Khoa học và Công nghệ thành phố hoặc Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức ít nhất 02 lần/năm. Khuyến khích Tổ trưởng và thành viên tự học qua nền tảng học trực tuyến do cơ quan có thẩm quyền chỉ định; kết quả hoàn thành được ghi nhận trong đánh giá hoạt động hàng năm.	ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn mới.
Điều 6. Hỗ trợ bổ sung từ ngân sách địa phương Căn cứ điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức hỗ trợ bổ sung đối với Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn; tổng mức hỗ trợ bổ sung từ ngân sách địa phương không vượt quá 02 lần mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.	1. Nội dung cơ bản: Trao quyền chủ động cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định mức hỗ trợ bổ sung (tối đa không quá 2 lần mức hỗ trợ cơ bản) tùy theo nguồn lực địa phương. 2. Lý do và sự cần thiết: Thể hiện tính linh hoạt trong phân cấp ngân sách, tạo động lực khích lệ các địa phương chủ động huy động nguồn lực chăm lo cho lực lượng nòng cốt ở cơ sở.
Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách thành phố theo phân cấp ngân sách hiện hành; được ưu tiên cân đối từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời khuyến khích huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định pháp luật. Đối với năm 2026, ngân sách thành phố thực hiện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã để triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.	1. Nội dung cơ bản: Xác định rõ nguồn kinh phí bảo đảm từ ngân sách thành phố (ưu tiên nguồn sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số) và cơ chế bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã trong năm 2026. 2. Lý do và sự cần thiết: Bảo đảm nguồn lực tài chính ổn định, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 để triển khai Nghị quyết hiệu quả.
Điều 8. Thời gian thực hiện Chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được áp dụng kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.	1. Nội dung cơ bản: Xác định thời gian thực hiện chính sách từ khi có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2030. 2. Lý do và sự cần thiết: Phù hợp với giai đoạn chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2026 - 2030 của thành phố Đồng Nai.
Điều 9. Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí 1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quản lý, hướng dẫn, kiểm tra, thanh toán và quyết toán kinh phí	1. Nội dung cơ bản: Quy định chặt chẽ trách nhiệm quản lý, thanh quyết toán kinh phí của UBND cấp xã, Tổ trưởng

hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng theo đúng quy định pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, phục vụ nhiệm vụ chung của Tổ công nghệ số cộng đồng. 2. Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch hoặc nhiệm vụ được giao. Tổ trưởng Tổ công nghệ số cộng đồng có trách nhiệm thống nhất với các thành viên về nhu cầu sử dụng kinh phí, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện chi đúng nội dung, mức hỗ trợ và quy định hiện hành. 3. Việc huy động, tiếp nhận, quản lý, sử dụng trang thiết bị cho Tổ công nghệ số cộng đồng phải bảo đảm tự nguyện, công khai, minh bạch, đúng mục đích, không làm phát sinh nghĩa vụ tài chính bắt buộc đối với tổ chức, cá nhân được vận động; không gán với điều kiện ưu đãi, lợi ích riêng cho bên tài trợ, hỗ trợ; thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công, tài trợ, viện trợ và các quy định pháp luật có liên quan.	Tổ công nghệ số cộng đồng và nguyên tắc quản lý tài sản tài trợ xã hội hóa. 2. Lý do và sự cần thiết: Đảm bảo kỷ luật tài chính công, minh bạch hóa các nguồn lực xã hội hóa, phòng ngừa thất thoát và sai phạm trong quá trình thực hiện.
Điều 10. Đánh giá kết quả hoạt động Kết quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng được đánh giá theo các nhiệm vụ và các chỉ tiêu đã được giao tại các Chương trình, Kế hoạch, Chỉ thị, Chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã về hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng. Kết quả đánh giá là một trong các căn cứ để Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, hỗ trợ bổ sung theo Điều 6 Nghị quyết này trong phạm vi dự toán được giao; đồng thời là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét khen thưởng hoặc kiện toàn nhân sự của Tổ công nghệ số cộng đồng.	1. Nội dung cơ bản: Xây dựng cơ chế đánh giá kết quả hoạt động dựa trên chỉ tiêu được giao làm căn cứ khen thưởng, kiện toàn nhân sự và xét hỗ trợ bổ sung. 2. Lý do và sự cần thiết: Gắn kết chặt chẽ giữa kết quả thực hiện nhiệm vụ thực tế với quyền lợi và chế độ đãi ngộ, thúc đẩy tính chủ động, tích cực của lực lượng ở cơ sở.
Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN Điều 11. Tổ chức thực hiện 1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này; tăng cường kiểm tra, không để xảy ra trục lợi chính sách và xử lý nghiêm các vi phạm (nếu có). 2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	1. Nội dung cơ bản: Phân công rõ trách nhiệm tổ chức thực hiện cho UBND thành phố, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố và quy định hiệu lực thi hành. 2. Lý do và sự cần thiết: Bảo đảm tính đồng bộ, tuân thủ nghiêm ngặt Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15) và thiết lập cơ chế giám sát toàn diện từ

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp tuyên truyền, vận động và giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.	phía cơ quan dân cử cũng như Mặt trận Tổ quốc.
Điều 12. Hiệu lực thi hành Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2026 đến hết ngày 31/12/2030. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026.	